

Phú Lương, ngày 10 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Trường TH Phú Cường - Phú Lương - TP Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND phường Phú Lương về việc giao chỉ tiêu phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của phường Phú Lương;

Căn cứ Quyết định số 10 /QĐ-THPC ngày 10/ 01/2026 của trường tiểu học Phú Cường về việc giao chỉ tiêu phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của phường Phú Lương;

Trường tiểu học Phú Cường thông báo:

1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Tiểu học Phú Cường – phường Phú Lương - TP Hà Nội

Thời gian công khai từ ngày bắt đầu từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 đến ngày 10.. tháng 02 năm 2026 (30 ngày liên tục).

Địa điểm công khai: Tại trụ sở trường tiểu học Phú Cường.

2. Trong thời hạn trên, nếu ai có điều gì thắc mắc, khiếu nại thì nộp đơn về văn phòng trường tiểu học Phú Cường để tổng hợp giải quyết.

Vậy trường tiểu học Phú Cường thông báo để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh biết đồng thời phối kết hợp cùng nhà trường giám sát việc thực hiện dự toán năm 2026.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)



Đinh Thị Thao

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Cường

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NĂM 2026
Về việc giao chỉ tiêu phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của phường Phú Lương.

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND phường Phú Lương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.156.505.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.156.505.000
1	Chi quản lý hành chính	14.156.505.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.156.505.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.156.505.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

ỦY BAN
QUẢN LÝ
CƠ QUAN

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 08 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN


Hà Phi Nhung

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thảo



Số: 734/QĐ-UBND

Phú Lương, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội
và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của phường Phú Lương**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội; số 46/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 về sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND thành phố Hà Nội; số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 482/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2026; Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2026;

Căn cứ Quyết định của UBND thành phố Hà Nội số 61/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 ban hành phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực KTXH trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 69/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 61/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025;

Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của HĐND phường Phú Lương về chỉ tiêu kinh tế xã hội; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 05/12/2025 của HĐND phường Phú Lương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phương án phân bổ ngân sách năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026; Cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của phường Phú Lương;

Theo đề nghị của của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày 10/12/2025 về việc giao chỉ tiêu phát triển Kinh tế - xã hội và dự toán thu-chi ngân sách năm 2026 của phường Phú Lương.

PHƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường Phú Lương

(Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của phường, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và dự toán thu - chi ngân sách được giao. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể của đơn vị để tổ chức triển khai trên tinh thần "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ hiệu quả; tuân thủ thời hạn theo quy định.

Thủ trưởng các đơn vị chủ động thực hiện, báo cáo kết quả tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có) định kỳ tháng, quý, năm gửi về UBND Phường qua Văn phòng HĐND & UBND phường để tổng hợp báo cáo.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị chủ trì thường xuyên cập nhật chỉ đạo của Thành phố, HĐND thành phố để tham mưu UBND Phường, HĐND phường bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2026; tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ, báo cáo UBND Phường theo quy định và tổ chức thực hiện theo các yêu cầu nhiệm vụ sau:

1. Đối với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Triển khai kế hoạch đến các đơn vị trực thuộc đảm bảo giao đúng, giao đủ và không thấp hơn chỉ tiêu Thành phố giao.

- Cụ thể hóa thực hiện bằng bảng, biểu chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trên tinh thần "6 rõ" để có thể kiểm đếm được theo tháng, quý, 6 tháng và năm.

- Giám sát tiến độ thực hiện, báo cáo rõ kết quả, tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2026 gửi UBND phường qua Phòng Kinh tế để tổng hợp.

- Phòng Kinh tế chủ trì thường xuyên cập nhật chỉ đạo của Thành phố và các Sở ngành để tham mưu UBND phường tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2026; tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ, báo cáo UBND phường theo quy định.

2. Đối với dự toán thu, chi ngân sách

Trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách được giao, các ngành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực; các Nghị quyết của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, trong đó lưu ý một số nhiệm vụ sau:

2.1. Về thu ngân sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật NSNN, Luật phí, lệ phí, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết HĐND Thành phố, Nghị quyết HĐND phường.

- Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước; cơ cấu lại nguồn thu bảo đảm tính bền vững; mở rộng cơ sở thu; chống thất thu, chuyển giá trốn thuế; gian lận thương mại, đặc biệt trong các hoạt động thương mại dựa trên nền tảng số; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế; đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Đề án “Chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với hộ kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán” đã được Bộ Tài chính phê duyệt, tạo động lực thúc đẩy khu vực hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình, mở rộng quy mô và phát triển bền vững, đồng thời góp phần minh bạch hóa hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân, tăng cường kỷ cương, niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

- Tập trung rà soát, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai; quản lý, giám sát chặt chẽ công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn đảm bảo đúng pháp luật, công khai, minh bạch; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật trong đấu giá quyền sử dụng đất, ngăn chặn hành vi lợi dụng đấu giá quyền sử dụng đất để trục lợi, thông đồng, móc nối gây nhiễu loạn, bóp méo thị trường.

- Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng và sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý (nhất là đối với các công trình công sở, trụ sở, tài sản công khác sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 02 cấp), đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức; thực hiện việc khai thác tài sản công và sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về chi ngân sách

Các cơ quan, đơn vị triển khai lập dự toán chi tiết theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã được nhà nước ban hành đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội và những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao.

* Chi đầu tư phát triển

- Thực hiện việc phân bổ kế hoạch đầu tư công theo đúng Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và chỉ đạo của Thành phố về đầu tư công; tiết kiệm ngay từ đầu năm 5% dự toán (tương ứng số tiền 07 tỷ 135 triệu đồng) khi phân bổ chi đầu tư ngân sách để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo chỉ đạo của Trung ương.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đúng quy định, tránh thất thoát, lãng phí.

- Ưu tiên bố trí vốn: Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thanh toán kinh phí quyết toán dự án hoàn thành, để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án, đặc biệt các dự án hoàn thành trong năm 2026; bố trí đủ vốn cho các dự án thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026, các dự án tạo nguồn thu cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của các dự án liên quan đến công tác GPMB dẫn đến thời gian thực hiện dự án kéo dài, làm giảm hiệu quả đầu tư. Tập trung triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân chi đầu tư, theo chỉ đạo của UBND Thành phố, Đảng ủy phường, phân đấu giải ngân cao tỷ lệ kế hoạch vốn được giao

- Theo dõi sát tiến độ giải ngân của từng dự án; chủ động đề xuất điều chuyển vốn kế hoạch đầu tư của những dự án chậm giải ngân sang những dự án đẩy nhanh tiến độ, có kết quả giải ngân tốt nhằm sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Các công trình quan trọng, các dự án gắn với thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu tư tạo nguồn thu cho địa phương; các dự án tạo đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; các dự án cấp thiết, cấp bách, bức xúc dân sinh có tác động lớn, góp phần tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, khơi thông nguồn lực;...

- Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa công tác giám sát, đánh giá đầu tư (theo hệ thống phần mềm dùng chung của Thành phố). Xây dựng và chuẩn bị tốt các công trình, dự án, nhất là các dự án xác định trọng tâm, trọng điểm trong giai đoạn 2026 – 2030.

- Phân bổ dự toán chi đầu tư công tập trung, không dàn trải, ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách phường để: thanh toán nợ xây dựng cơ bản (nếu có); thanh toán kinh phí quyết toán dự án hoàn thành; đối ứng ngân sách phường cho các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án, đặc biệt các dự án hoàn thành trong năm 2026; các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt để hoàn thành dự án; phần vốn còn lại bố trí đủ vốn cho các dự án thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 đã được HĐND Thành phố và HĐND phường quyết nghị; các dự án tạo nguồn thu cho phường trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Thực hiện nghiêm các biện pháp đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Trường hợp phát sinh nợ xây dựng cơ bản, yêu cầu ưu tiên toàn bộ nguồn ngân sách cho đầu tư phát triển, nguồn vốn tăng thu, thường vượt thu, kết dư,... để xử lý nợ xây dựng cơ bản. Chỉ phê duyệt quyết định đầu tư, quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao; không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố

trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí; không phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá chất lượng dự án đầu tư, giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, quyết toán dự án hoàn thành vốn đầu tư công.

- Phòng Giao dịch số 4 - KBNN khu vực I, chủ trì phối hợp với Phòng Kinh tế cùng các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn XDCB, vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, vốn GPMB của các dự án; vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành theo cơ chế giải ngân linh hoạt đảm bảo điều kiện theo quy định, không để tình trạng tạm ứng kéo dài do chưa có khối lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường GPMB nhưng không chi trả; tránh tình trạng các dự án có số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau; hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng theo quy định; có trách nhiệm kiểm soát chi và hướng dẫn các chủ đầu tư và kiểm soát giải ngân đối với nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu, vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026 (nếu có) trước khi giải ngân các nguồn vốn khác trong kế hoạch đầu tư công năm 2026.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục triệt để tình trạng chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn, hạn chế tối đa việc kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân của dự án.

- Việc nộp hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo theo đúng thời gian quy định; đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và thực hiện thanh quyết toán dự án hoàn thành, tất toán tài khoản theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

- Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan; cá thể hoá trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gán trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện, giải ngân của từng dự án; phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch được giao.

- Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định; gửi báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư và các nội dung liên quan về UBND phường qua Phòng Kinh tế để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, UBND Thành phố.

*** Về chi thường xuyên**

- Triển khai phân bổ, điều hành dự toán ngân sách ngay từ đầu năm trong phạm vi dự toán được HĐND phường phê chuẩn và đúng chế độ quy định. Bám sát số thu ngân sách để điều hành các nhiệm vụ chi ngân sách, trong đó đảm bảo kinh phí chi lương, các khoản liên quan đến con người và nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên với số tiền 11 tỷ 01 triệu đồng (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương và tiến hành phân bổ nguồn tiết kiệm này để chi CCTL cho các đơn vị dự toán theo phương án đã trình HĐND phường.

- Thực hiện tiết kiệm thêm 10% để thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo các Nghị định của Chính phủ: số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 và Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của Thành phố.

- Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách, bảo đảm thực hiện chi theo dự toán giao. Hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành.

- Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách. Thực hiện nhiệm vụ chi theo đúng nguồn kinh phí được giao; trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định. Nghiêm cấm các trường hợp chi sai nguồn; mượn nguồn của các cấp ngân sách khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; nghiêm cấm thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái với quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định.

- Thực hiện nghiêm túc công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện các kết luận của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của HĐND Thành phố, HĐND phường theo quy định.

- Đối với việc mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác; Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND Thành phố quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê

hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội và các văn bản khác có liên quan.

Đối với việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình tài sản công: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND Thành phố quy định việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội (theo khoản 3 Điều 35 của Luật Thủ đô); Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND Thành phố quy định việc lập, phê duyệt danh mục và bố trí kinh phí sửa chữa công trình tài sản công từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội; Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Quyết định của UBND Thành phố: Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 và các quy định có liên quan.

- Đối với công tác đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đặt hàng/đấu thầu, khẩn trương hoàn thành các thủ tục đặt hàng, đấu thầu làm cơ sở để tổ chức thực hiện từ 01/01/2026 theo quy định.

- Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-NTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Kế hoạch Khoa học Công nghệ

- Xây dựng kế hoạch ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành và địa phương. Rà soát, xác định điểm nghẽn, những vấn đề trong quá trình phát triển cần phải giải quyết bằng khoa học công nghệ, bằng chuyển đổi số, lựa chọn các vấn đề dân sinh bức xúc như ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, những vấn đề an ninh phi truyền thống... để đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu. Chú trọng nghiên cứu các giải pháp quản lý đô thị lớn, thông minh, hiện đại, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... gắn với đặc thù của một trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng điểm về

khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: Công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, công nghệ y - sinh học tiên tiến, công nghệ tài chính, công nghệ cao trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố. Ưu tiên thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực, truy xuất nguồn gốc,...

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến có hiệu quả, thực chất hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, đảm bảo an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ, hoạt động doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng... Tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tiếp tục xây dựng Thành phố thông minh.

4. Tổ chức thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị quán triệt “6 rõ” để cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của đơn vị về triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2026 đã được UBND phường giao.

- Tiếp tục thực hiện năm “**Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển**” và phát động thi đua thực hiện hoàn thành và hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2026 đã được UBND Thành phố và HĐND phường giao.

- Các cơ quan, đơn vị tuân thủ thực hiện quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện quyết toán theo quy định. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gán trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, dùn dẩy, sợ trách nhiệm, để trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Ban quản lý dự án hạ tầng - đô thị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ dự án thuộc kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2026, năm 2025 kéo dài sang năm 2026.

- Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND và UBND phường, Phòng Giao dịch số 4 - KBNN khu vực I và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và tiến hành giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước; báo cáo, tham mưu UBND phường có biện pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, dự toán thu chi NSNN năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Trưởng phòng Giao dịch số 4 - KBNN khu vực I và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy-HĐND phường;
- TT UBND phường;
- ĐB HĐND phường;
- Chủ tịch UBND phường;
- Các đơn vị dự toán trực thuộc;
- PGD số 4-KBNN khu vực I;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lã Quang Thức

STT	Nội dung	Tổng dự toán năm 2026	Trong đó:			Tiết kiệm chi 10% để CCTL và TK thêm 10% sau khi trừ TK CCTL để thực hiện CS ASXH		Trong đó:			Dự toán năm 2026 được sử dụng	Ghi chú
			Dự toán chi trong cân đối		DT chi từ nguồn CCTL TP giao			DT chi trong cân đối		DT chi từ nguồn CCTL TP giao		
			Nguồn tự chủ (N13)	Nguồn không tự chủ (N12)		Nguồn tự chủ (N13)	Nguồn không tự chủ (N12)					
*	Mầm non Phú Lương II	7.372.717	6.412.972	434.775	524.970	460.598	82.607	5.952.374	352.168	524.970	6.829.512	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	4.191.229	3.666.259		524.970			3.666.259	-	524.970	4.191.229	CCTL cấp đợt 1
	Lương HD-111	322.513	322.513					322.513	-	-	322.513	
	Chi khác theo định mức	2.424.200	2.424.200			460.598		1.963.602	-	-	1.963.602	
	Chi mua sắm sửa chữa theo ĐM 5%	434.775		434.775		-	82.607	-	352.168	-	352.168	
*	Trường MN Hương Sen	6.492.288	6.492.288	-	-	317.792	-	6.174.496	-	-	6.174.496	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	4.581.300	4.581.300					4.581.300	-	-	4.581.300	(Đặt hàng)
	Lương HD-111	238.399	238.399					238.399	-	-	238.399	
	Chi khác theo định mức	1.672.589	1.672.589			317.792		1.354.797	-	-	1.354.797	
10.2	Khối tiểu học	44.592.068	41.982.087	1.246.400	1.363.581	3.274.030	236.816	38.708.057	1.009.584	1.363.581	41.081.222	
*	Tiểu học Phú Lương I	7.264.621	7.264.621	-	-	318.654	-	6.945.967	-	-	6.945.967	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	5.325.522	5.325.522					5.325.522	-	-	5.325.522	(Đặt hàng)
	Lương HD-111	261.975	261.975					261.975	-	-	261.975	
	Chi khác theo định mức	1.677.124	1.677.124			318.654		1.358.470	-	-	1.358.470	
*	Tiểu học Phú Lương II	12.543.872	11.069.102	717.725	757.045	1.033.524	136.368	10.035.578	581.357	757.045	11.373.980	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	6.065.264	5.308.219		757.045			5.308.219	-	757.045	6.065.264	CCTL cấp đợt 1
	Lương HD-111	321.283	321.283					321.283	-	-	321.283	
	Chi khác theo định mức	5.439.600	5.439.600			1.033.524		4.406.076	-	-	4.406.076	
	Chi mua sắm sửa chữa theo ĐM 5%	717.725		717.725		-	136.368	-	581.357	-	581.357	
*	Tiểu học Phú Lâm	9.420.591	8.285.380	528.675	606.536	715.373	100.448	7.570.007	428.227	606.536	8.604.770	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	4.859.421	4.252.885		606.536			4.252.885	-	606.536	4.859.421	CCTL cấp đợt 1
	Lương HD-111	267.374	267.374					267.374	-	-	267.374	
	Chi khác theo định mức	3.765.121	3.765.121			715.373		3.049.748	-	-	3.049.748	
	Chi mua sắm sửa chữa theo ĐM 5%	528.675		528.675		-	100.448	-	428.227	-	428.227	
*	Tiểu học Phú Cường	15.362.984	15.362.984	-	-	1.206.479	-	14.156.505	-	-	14.156.505	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	8.180.554	8.180.554					8.180.554	-	-	8.180.554	(Đặt hàng)
	Lương HD-111	832.540	832.540					832.540	-	-	832.540	
	Chi khác theo định mức	6.349.890	6.349.890			1.206.479		5.143.411	-	-	5.143.411	
10.3	Khối THCS	36.562.972	32.378.575	1.364.675	2.819.722	1.775.264	259.288	30.603.311	1.105.387	2.819.722	34.528.420	
*	THCS Phú Lương	16.638.401	13.675.305	895.850	2.067.246	788.348	170.212	12.886.957	725.639	2.067.246	15.679.842	
	Quỹ Lương, PC, BHXH...	10.581.423	8.514.177		2.067.246			8.514.177	-	2.067.246	10.581.423	CCTL cấp đợt 1
	Lương HD-111	1.011.928	1.011.928					1.011.928	-	-	1.011.928	
	Chi khác theo định mức	4.149.200	4.149.200			788.348		3.360.852	-	-	3.360.852	Đã BS 406,113tr đảm bảo định mức tối thiểu

**DỰ TOÁN HỖ TRỢ BỮA ĂN BÁN TRÚ 04 TRƯỜNG TIỂU HỌC
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 -2026**

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND phường Phú Lương)

DVT: Đồng

TT	Trường	Số học sinh	Mức hỗ trợ/ngày	Học Kỳ II năm học 2025-2026 (Từ tháng 1/2025 đến tháng 5/2025)		Ghi chú
				Số bữa ăn dự kiến ăn	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ	
1	2	3	4	5	6=3x4x5	9=6+8
I	Dự toán giao theo số học sinh tại thời điểm giao dự toán	5.138			9.659.440.000	
1	Trường TH Phú Cường	1805	20.000	94	3.393.400.000	Yêu cầu 04 trường thực hiện thanh, quyết toán theo từng bữa ăn bán trú
2	Trường TH Phú Lãm	1117	20.000	94	2.099.960.000	
3	Trường TH Phú Lương I	807	20.000	94	1.517.160.000	
4	Trường TH Phú Lương II	1409	20.000	94	2.648.920.000	
II	Dự toán chưa giao				1.879.560.000	
	Tổng cộng	5.138		376	11.539.000.000	

Tổng số tiền bằng chữ

Mười một tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn

2026

BIỂU CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND phường Phú Lương)

ĐVT: 1.000 đồng

Tên đơn vị	Số học sinh được giao năm học 2025-2026	Trong đó: Trẻ em 5 tuổi	Định mức theo NQ số 48 /2025/NQ-HĐND TP (đồng/học sinh/năm)	Dự toán theo định mức NQ số 48/2025/NQ-HĐND TP hoặc DT đặt hàng	Tổng dự toán giao đầu năm 2026										Ghi chú
					Tổng cộng	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	Nguồn CCTL 850 (cấp đợt 1)	Chi khác	Chi khác bình quân/1 HS	Dự toán 5% chi mua sắm, sửa chữa NQ số 48/2025/NQ-HĐND TP	Tiết kiệm chi 10% chi khác để CCTL và TK chi thêm 10% sau khi trừ TK 10 CCTL	Tiết kiệm chi 10% chi mua sắm, sửa chữa để CCTL và TK chi thêm 10% sau khi trừ TK 10 CCTL	Dự toán chi khác được sử dụng sau khi trừ TK chi thường xuyên	Dự toán chi mua sắm, sửa chữa được sử dụng sau khi trừ TK chi thường xuyên	
1	5	6	7	8=(5*7)	9=10+11+12	10	11	12	13=12/5	14=8*5%	15	16	17=12-15	18=14-16	
SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	11.834	909		130.989.263	114.283.167	71.307.541	6.741.054	36.234.572		4.561.375	6.884.569	866.661	29.350.003	3.694.714	
KHỐI MẦM NON	2.764	909		45.498.288	36.664.745	23.522.110	2.557.751	10.584.884		1.950.300	2.011.128	370.557	8.573.756	1.579.743	
Mầm non Phú Lương	486	141	16.500	8.019.000	5.912.996	4.098.223	584.478	1.230.295	2.531	400.950	233.756	76.181	996.539	324.770	
Mầm non Phú Lãm	575	173	16.500	9.487.500	7.108.440	3.933.390	530.050	2.645.000	4.600	474.375	502.550	90.131	2.142.450	384.244	
Năm non Huyền Kỳ	360	128	16.500	5.940.000	4.634.750	2.621.931	356.819	1.656.000	4.600	297.000	314.640	56.430	1.341.360	240.570	
Mầm non Phú Lương I	416	142	16.500	6.864.000	5.578.329	4.060.095	561.434	956.800	2.300	343.200	181.792	65.208	775.008	277.992	Phải bù định mức chi khác: 223.212.000đ
Mầm non Phú Lương II	527	161	16.500	8.695.500	6.937.942	3.988.772	524.970	2.424.200	4.600	434.775	460.598	82.607	1.963.602	352.168	
Trường MN Hương Sen	400	164		6.492.288	6.492.288	4.819.699	-	1.672.589	4.181	-	317.792	-	1.354.797	-	(Theo DT Đặt hàng)
KHỐI TIỂU HỌC	5.243	0		47.555.605	42.420.125	24.750.352	1.363.581	16.306.192	11.819	1.246.400	3.098.176	236.816	13.208.016	1.009.584	
Tiểu học Phú Lương II	1.511	0	9.500	14.354.500	11.429.279	5.625.502	757.045	5.042.732	3.337	717.725	958.119	136.368	4.084.613	581.357	
Tiểu học Phú Lãm	1113	0	9.500	10.573.500	8.363.241	4.520.259	606.536	3.236.446	2.908	528.675	614.925	100.448	2.621.521	428.227	
Trường T/học Phú Lương I	823	0		7.264.621	7.264.621	5.587.497	-	1.677.124	2.038	-	318.654	-	1.358.470	-	(Theo DT Đặt hàng)
Tiểu học Phú Cường	1796	0		15.362.984	15.362.984	9.013.094	-	6.349.890	3.536	-	1.206.479	-	5.143.411	-	(Theo DT Đặt hàng)
KHỐI THCS	3.827	0		37.935.370	35.198.297	23.035.079	2.819.722	9.343.496	4.400	1.364.675	1.775.264	259.288	7.568.232	1.105.387	
THCS Phú Lãm	987	0	9.500	9.376.500	8.813.876	5.890.000	752.476	2.171.400	2.200	468.825	412.566	89.077	1.758.834	379.748	Phải bù định mức chi khác: 1.696.104.000đ
THCS Phú Lương	1.886	0	9.500	17.917.000	15.742.551	9.526.105	2.067.246	4.149.200	2.200	895.850	788.348	170.212	3.360.852	725.639	Phải bù định mức chi khác: 406.113.000đ
Trường THCS Phú Cường	954	-		10.641.870	10.641.870	7.618.974	-	3.022.896		-	574.350	-	2.448.546	v	(Theo DT Đặt hàng)

Ghi chú: Nguồn CCTL giao đợt 1 số còn lại giao; nguồn thưởng 10% theo ND 73/2024/ND-CP giao sau từ nguồn tiết kiệm chi TX và nguồn CCTL Thành phố cấp bổ sung

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ QUYẾT 19/2024/NQ-HĐND THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND phường Phú Lương)

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đặt hàng theo Nghị quyết 19/2024/NQ-HĐND (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Kinh phí đặt hàng theo Nghị quyết 19/2024/NQ-HĐND và QĐ 245/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 (nghìn đồng/năm học)	Dự toán đặt hàng 4 tháng cuối năm 2026				Dự toán đặt hàng 8 tháng đầu năm 2026			
											Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
												Nguồn thu học phí năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước		Nguồn thu học phí năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nếu có)	Nguồn ngân sách nhà nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5*6*7	9=3*8	10=9/12 tháng * 4T	11=1*3* 4 tháng	12	13=10-11-12	14=9-10	15=1*3* 5 tháng	16	17=14-15-16
1	Trường MN Hương Sen	0	10	400	40	15.370	1,10	0,96	16.231	6.492.288	2.164.096	0		2.164.096	4.328.192	0	0	4.328.192
2	Trường tiểu học Phú Cường	0	37	1796	49	9.100	1,00	0,94	8.554	15.362.984	5.120.995	0		5.120.995	10.241.989	0	0	10.241.989
3	Trường tiểu học Phú Lương I	0	20	823	41	9.100	1,00	0,97	8.827	7.264.621	2.421.540	0		2.421.540	4.843.081	0	0	4.843.081
4	Trường THCS Phú Cường	0	22	954	43	11.500	1,00	0,97	11.155	10.641.870	3.547.290	0		3.547.290	7.094.580	0	0	7.094.580
	Cộng	0	89	3.973	173	45.070	4,10	3,84	44.767	39.761.763	13.253.921	0	0	13.253.921	26.507.842	0	0	26.507.842